

RUNG LẮC VÙNG CẢN MẠNH

CHIẾN LƯỢC HÀNH ĐỘNG

MUA	NDT nên kiên nhẫn chờ các nhịp điều chỉnh để tham gia mua đối với nhóm cổ phiếu có triển vọng hút dòng tiền mới như thực phẩm, đầu tư công, thủy sản,...
BÁN	Một phiên rung lắc để rũ bớt lượng hàng T+ bắt đáy có thể giúp cho thị trường đi lên bền vững hơn. Do đó nhà đầu tư có thể canh chốt lời từng phần tại ngưỡng cản quan trọng MA50 ngày.

ĐIỂM NHẤN ĐẦU TƯ

NĂM GIỮ

DGW

↑ 8,48%

VND 66.500

NHẬN ĐỊNH XU HƯỚNG VN-INDEX TRONG NGÀY

- **Diễn biến TTCK thế giới:** Dow Jones tăng phiên thứ 7 liên tiếp, khi dữ liệu về đơn xin trợ cấp thất nghiệp mới nhen nhóm hy vọng về việc Fed hạ lãi suất vào cuối năm nay.
- **Xu hướng VN-Index ngắn hạn:** Thị trường trong nước đang xuất hiện rung lắc nhiều hơn khi đi ngang tại ngưỡng cản kỹ thuật MA50 ngày. Tuy nhiên một phiên chốt lời thuận túy chưa ảnh hưởng đến xu hướng tăng của thị trường sau nhịp tăng 6 phiên liên tiếp. Lúc này, nhóm cổ phiếu trụ chính là chỉ báo của thị trường, chừng nào nhóm này vẫn tiếp tục nâng đỡ thị trường hoặc tích cực hơn là luân phiên thay nhau dẫn dắt thì thị trường có thể dao động trong vùng 1.340 điểm – 1.350 điểm, kịch bản thận trọng chỉ khi chỉ số để mất ngưỡng 1.230 điểm.

Thị trường thế giới

Chỉ số	Điểm số	%Chg	YTD
Dow Jones	39.387,76	0,85	4,51
S&P 500	5.214,08	0,51	9,31
Nasdaq	16.346,26	0,27	8,89
VIX	12,69	-2,38	1,93
DAX	18.686,60	1,02	11,55
FTSE 100	8.381,35	0,33	8,38
CAC40	8.187,65	0,69	8,54
Hang Seng	18.537,81	1,22	8,74

Nguồn: Bloomberg

ĐỒ THỊ KỸ THUẬT VN-INDEX



Chỉ báo kỹ thuật

	Ngày	Tuần	Tháng
Xu hướng VN-Index	BUY	BUY	BUY

Chỉ báo kỹ thuật	Giá trị	Hành động
RSI (14)	55,53	BUY
MACD (12,26)	-1,29	SELL
ADX (14)	33,43	BUY
SMA5	1.242,07	BUY
SMA20	1.226,05	BUY
SMA50	1.248,25	BUY
SMA100	1.202,95	BUY
SMA200	1.180,27	BUY

ĐIỂM TIN CHÍNH

- Theo VBMA, lũy kế từ đầu năm 2024 đến nay, tổng giá trị phát hành trái phiếu doanh nghiệp được ghi nhận là 36.088 tỷ đồng, trong đó, bất động sản là nhóm ngành phát hành nhiều nhất với 17.394 tỷ đồng.

Trong phần còn lại của năm 2024, tổng giá trị trái phiếu sẽ đến hạn là 180.457 tỷ đồng. Cơ cấu có tới 41% giá trị trái phiếu sắp đáo hạn thuộc nhóm Bất động sản với khoảng 73.736 tỷ đồng, theo sau là nhóm Ngân hàng với gần 38.097 tỷ đồng (chiếm 21%).

- **Giá vàng SJC tăng lên gần mốc 90 triệu đồng/lượng.** Giá vàng miếng SJC đã thiết lập kỷ lục mới, lên đỉnh cao nhất lịch sử gần 90 triệu đồng/lượng, cao hơn giá vàng thế giới gần 20 triệu đồng/lượng.
- **Đề xuất Luật Đất đai 2024 có hiệu lực trước 6 tháng so với quy định.** Bộ Tài nguyên và Môi trường đề xuất Luật Đất đai số 31/2024/QH15 có hiệu lực thi hành từ ngày 1/7/2024 thay vì ngày 1/1/2025 như trong Luật Đất đai đã quy định.
- **HAG:** Theo tài liệu trình ĐHCĐ thường niên 2024, CTCP Hoàng Anh Gia Lai, đặt mục tiêu tổng doanh thu tăng 20% n/n lên 7.750 tỷ đồng, chủ lực tới từ cây ăn trái. Tuy nhiên, lãi sau thuế mục tiêu 2024 giảm 26% so với thực hiện năm trước, còn 1.320 tỷ đồng.
- **GVR:** Cao su Bà Rịa (BRR) dự kiến chia cổ tức năm 2023 bằng tiền tỷ lệ 7%. Với sở hữu lên đến 97,47% vốn tại BRR, ước tính công ty mẹ GVR sẽ thu về gần 77 tỷ đồng tiền cổ tức.
- **MWG:** Quyết định giải thể 2 công ty con là CTCP 4K Farm và CTCP Logistics Toàn Tín, với lý do tái cơ cấu nhóm các công ty con nhằm tối ưu việc vận hành.
- **VGC:** Q1 2024, VGC ghi nhận doanh thu thuần hơn 2.639 tỷ đồng, giảm 5%, trong khi lãi ròng đạt hơn 206 tỷ đồng, tăng 7% n/n nhờ đóng góp từ mảng cho thuê hạ tầng KCN của công ty con.
- **IPA:** 3T2024, Tập đoàn Đầu tư I.P.A thuộc hệ sinh thái của VNDirect đã chi ra 850 tỷ đồng để sở hữu 9,36% vốn của CTCP Năng lượng Tái tạo Trung Nam.
- **BCC:** Quý đầu năm 2024, BCC ghi nhận doanh thu thuần 690 tỷ đồng, giảm 19% n/n và lỗ ròng gần 49 tỷ đồng, cùng kỳ lỗ gần 47 tỷ đồng. Đây cũng là quý thua lỗ thứ 7 liên tiếp của doanh nghiệp (từ quý 3/2022).

Nguồn: VPBankS Research

Thị trường hàng hóa

Chỉ số	Giá (USD)	%Chg	YTD
Vàng	2.353,31	0,30	14,07
Dầu WTI	79,75	0,62	11,30
Dầu Brent	84,32	0,52	9,45
Than	144,95	-0,21	-0,99
Đồng	9904,50	0,01	15,72
Quặng sắt	115,92	0,13	-15,95
Thép	534,00	-0,37	-5,43

Thị trường ngoại tệ

Chỉ số	Giá	%Chg	YTD
DXY	105,233	0,01	3,85
USD/JPY	155,54	-0,04	-9,32
USD/CNY	7,2235	-0,05	-1,71
EUR/USD	1,0782	0,00	-2,33
GBP/USD	1,2524	0,00	-1,63

Lãi suất một số NHTW

NHTW	Lãi suất	Cuộc họp tiếp theo	Thay đổi gần nhất
FED	5,50%	12/06/2024	0
ECB	4,50%	06/06/2024	0
BOE	5,25%	09/05/2024	0
BOJ	0,10%	26/04/2024	0
SBV	6,50%	-	-50bp

Top 5 CP có GTGD lớn nhất

Mã CP	GTGD	Giá	%Chg
MWG	615,89	58.900	-0,34
DIG	441,31	28.100	-1,75
SSI	542,72	35.200	-1,26
HPG	592,12	30.450	-0,81
FPT	288,30	130.300	-0,53

Top 5 CP vốn hóa lớn nhất

Mã CP	Vốn hóa	Giá	%Chg
VCB	516.990,94	92.500	-0,54
BID	282.171,58	49.500	-0,60
VHM	178.311,35	40.950	0,12
CTG	176.672,73	32.900	0,92
GAS	174.781,90	76.100	-1,68

Nguồn: Investing, Bloomberg, VPBankS Research

DGW

Khuyến nghị

Giá hiện tại

Giá mục tiêu

Tiềm năng tăng giá

Vùng giải ngân

Ngưỡng cắt lỗ

THEO DÕI

61.300

66.500

12,71%

57.600–59.000

<56.000

THÔNG TIN CẬP NHẬT DOANH NGHIỆP

- Quý 1/2024, DGW mang về 4.985 tỷ đồng doanh thu thuần, tăng 26% so với cùng kỳ và thực hiện 22% kế hoạch năm. Các ngành hàng đều ghi nhận tăng trưởng, lần lượt hàng tiêu dùng tăng 53%, thiết bị văn phòng tăng 48%, điện thoại di động tăng 29%, thiết bị gia dụng tăng 27% và máy tính xách tay & máy tính bảng tăng 4%.
- Xét về tỷ trọng, điện thoại di động và máy tính xách tay & máy tính bảng duy trì vị thế dẫn đầu với đóng góp lần lượt 49% và 23%, tổng cộng chiếm đến 72% doanh thu.

PHÂN TÍCH KỸ THUẬT CỔ PHIẾU

- DGW đang có sự phục hồi mạnh hơn xu hướng chung của thị trường, cổ phiếu đã chạm được đường MA50 ngày. Các chỉ báo kỹ thuật đang ủng hộ xu hướng tăng tiếp của cổ phiếu. Do đó, nhà đầu tư có thể xem xét giải ngân tỷ trọng nhỏ đối với cổ phiếu trong các nhịp rung lắc với vùng hỗ trợ gần 57.600–59.000 đồng.

Thông tin tài chính

	FY2022	FY2023	Q1 2024
DTT (tỷ đ)	22.028	18.817	4.985
LNTT (tỷ đ)	862	471	119
LNST (tỷ đ)	684	363	93
Nợ/VCSH (%)	81	89	88
ROE (%)	32,77	14,21	14,24
ROA (%)	10,60	5,13	5,73
EPS (VNĐ)	4.219	2.161	2.228
P/E (lần)	8,9	24,2	27,37
P/B (lần)	2,57	3,37	3,79

Nguồn: VPBankS Research

ĐỒ THỊ KỸ THUẬT CỔ PHIẾU



Chỉ báo kỹ thuật

	Ngày	Tuần	Tháng
Xu hướng	BUY	BUY	BUY
Chỉ báo kỹ thuật	Giá trị	Hành động	
RSI (14)	50,68	BUY	
MACD (12,26)	-124,98	SELL	
ADX (14)	24,78	Neutral	
SMA5	60.640	SELL	
SMA20	58.470	BUY	
SMA50	61.448	SELL	
SMA100	57.809	BUY	
SMA200	55.943	BUY	

DANH MỤC KHUYẾN NGHỊ

STT	Mã cổ phiếu	Vị thế	Vùng mua	Ngày mua	Giá mua	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Ngày bán	Giá bán	+/-
Danh mục theo dõi										
1	SZC	Theo dõi	38,5-39,8			45,2	37,8			
2	DGW	Theo dõi	57,6-59			66,5	56			
3	PVD	Theo dõi	28,2-29			34,5	28			
4	SSI	Theo dõi	33-34			39,2	32,5			
5	GVR	Theo dõi	28,5-29,5			33,8	27,5			
Danh mục cổ phiếu chạm điểm mua										
1	VHC	Nắm giữ	73-74,5	3/5/2024	74	83,2	71			3,92%

Lưu ý: Các mã khuyến nghị đầu tư dựa trên yếu tố dòng tiền đầu cơ và có xu hướng tích lũy/tăng trong ngắn hạn theo phương pháp phân tích kỹ thuật.

DANH MỤC CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN

STT	Mã cổ phiếu	Vị thế	Vùng mua	Ngày mua	Giá mua	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Ngày bán	Giá bán	+/-
1	MWG	Chốt lời	39,6-40,8	5/6/2023	40,8	54,8	37,8	31/7/2023	54	32,35%
2	NLG	Chốt lời	31,3-32,45	9/6/2023	32	38,3	30,2	18/7/2023	38,3	19,69%
3	MWG	Hạ tỷ trọng	39,6-40,8	5/6/2023	40,8	47,8	37,8	11/7/2023	48,8	19,61%
4	DGW	Chốt lời	54,5-56	16/2/2024	56	63,2	53,9	13/3/2024	64,3	16,07%
5	HCM	Chốt lời	21,1-22	20/12/2023	21,9	24,3	20,4	2/1/2024	25,4	15,98%
6	SSI	Chốt lời	27,8-28,8	26/10/2023	27,2	32,8	26,9	10/11/2023	31,5	15,81%
7	DBC	Chốt lời	20,3-20,6	20/6/2023	20,6	23,6	19,2	6/7/2023	23,85	15,78%
8	DGW	Chốt lời	32,4-33	16/5/2023	33	37,2	30,7	6/6/2023	37,8	14,55%
9	VPB	Chốt lời	18,6-19,2	26/4/2023	19,2	22,6	17,9	1/8/2023	21,95	14,32%
10	ANV	Chốt lời	34,8-36,3	11/9/2023	36,3	41,2	33,8	22/9/2023	41,2	13,50%
11	DGW	Chốt lời	49-51,5	21/11/2023	50	57,8	48	8/1/2023	56,7	13,40%
12	HCM	Chốt lời	25,9-26,3	12/6/2023	26,3	29,5	24,5	5/7/2023	29,8	13,31%
13	SSI	Chốt lời	28,0-28,6	1/8/2023	28,6	33,5	27,4	25/8/2023	32,3	12,94%
14	PVS	Chốt lời	30,4-31,2	22/8/2023	31,2	35,2	29,3	30/8/2023	35,2	12,82%
15	HPG	Chốt lời	24,8-25,8	22/8/2023	25,8	29,1	24	7/9/2023	29,1	12,79%
16	NKG	Chốt lời	17,3-17,7	5/7/2023	17,5	20,4	16,3	21/7/2023	19,7	12,57%
17	KSB	Chốt lời	26,6-27,1	8/6/2023	27,1	30,5	25,2	27/6/2023	30,5	12,55%
18	NKG	Chốt lời	20,3-20,8	24/11/2023	20,8	23,9	19,6	30/11/2023	23,35	12,26%
19	HAH	Chốt lời	34-35,5	23/11/2023	35	40,7	32,9	26/12/2023	39,2	12,00%
20	GVR	Chốt lời	18,9-19,3	28/6/2023	19,3	22,3	18	11/7/2023	21,6	11,92%
21	VCG	Chốt lời	25,5-26,2	18/8/2023	26,2	29,3	24,5	5/9/2023	29,3	11,83%

DANH MỤC CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN GẦN ĐÂY

STT	Mã cổ phiếu	Vị thế	Vùng mua	Ngày mua	Giá mua	Giá mục tiêu	Giá cắt lỗ	Ngày bán	Giá bán	+/-
1	DXG	Cắt lỗ	18,6-19,2	5/1/2024	19	21,5	18	23/2/2024	18	-5,26%
2	VHC	Chốt lời	63,5-65	19/2/2024	64,7	71,5	60,9	28/2/2024	70,9	9,58%
3	VGC	Chốt lời	51,8-53,5	31/1/2024	52,5	59,1	49,8	5/3/2024	56,9	8,19%
4	VCG	Cắt lỗ	24,8-25,2	29/1/2024	25,2	28,5	23,9	11/3/2024	23,9	-5,16%
5	DGW	Chốt lời	54,5-56	16/2/2024	56	63,2	53,9	13/3/2024	64,3	16,07%
6	VCI	Chốt lời	46-48	6/3/2024	47,5	55,2	44,5	15/3/2024	52,3	11,58%
7	VND	Cơ cấu	22,8-23,8	4/3/2024	23	27,3	21,8	26/3/2024	23,05	0,22%
8	NKG	Chốt lời	23-23,8	15/3/2024	23,75	27,6	22,4	28/3/2024	26,1	9,89%
9	VGC	Chốt lời	54-55,5	13/3/2024	55,5	61,8	51,8	2/4/2024	58,7	6,31%
10	KSB	Cơ cấu	25,5-26,5	15/3/2024	26,2	29,5	24,6	2/4/2024	26,2	0,00%
11	DPM	Cơ cấu	34,5-36	27/3/2024	35,85	39,8	33,8	2/4/2024	35,55	-0,84%
12	STB	Cắt lỗ	30-31,5	29/2/2024	31,3	35,6	29,1	5/4/2024	29,5	-5,75%
13	CII	Cắt lỗ	18,8-19,5	28/3/2024	19,3	21,8	18,5	5/4/2024	18,55	-3,89%
14	HSG	Cắt lỗ	22,8-24	3/4/2024	24	27,1	22,8	5/4/2024	22,8	-5,0%
15	MWG	Chốt lời	45-47,5	5/3/2024	47,5	54,3	44,2	3/5/2024	55,7	17,26%

Email: Chienluochitruong@vpbanks.com.vn

Theo dõi chúng tôi tại:



Mã môi giới
116C820618



Mở tài khoản VPBankS tại

Miễn trừ trách nhiệm:

Các thông tin, số liệu thống kê và khuyến nghị trong bản báo cáo này, bao gồm cả các nhận định cá nhân, được dựa trên các nguồn thông tin công bố đại chúng theo quy định của pháp luật, hoặc các nguồn thông tin mà chúng tôi cho rằng đáng tin cậy tính đến thời điểm phát hành báo cáo. Phòng Chiến lược thị trường chỉ sử dụng mà không thực hiện xác minh lại các thông tin này, do đó Phòng Chiến lược thị trường không đảm bảo về tính chính xác và đầy đủ của các thông tin này.

Báo cáo được lập với mục đích dự báo, cảnh báo những rủi ro tiềm ẩn có thể xảy ra, được sử dụng như thông tin tham khảo trong nội bộ VPBankS và VPBank. Chúng tôi không chịu trách nhiệm với các lan truyền thông nằm ngoài phạm vi này.

Bản quyền báo cáo thuộc về VPBankS, mọi hành vi sao chép, sửa đổi từng phần hoặc toàn bộ báo cáo là vi phạm bản quyền.

1

TU VẤN ĐẦU TƯ

Khuyến nghị:

- ACE NĐT vẫn tiếp tục tận dụng những phiên tăng điểm chốt lời ngắn hạn và tái cấu trúc mua lại khi TT điều chỉnh giảm điểm.
- Vùng hỗ trợ chỉ số VNI : 1150-1165.

Mã chứng khoán	NVL	Tỷ lệ
MICP	16.14.5	
Mua	Điểm 14	-12%
Cấp độ	18.59	-12% -18%
Chỉ số (1.0%)	21.22	-18.37%
Chỉ số (2.0%)		
MICP	MSN	Tỷ lệ
Mua	Điểm 59	-4.5%
Cấp độ	72.75	-12% -14%
Chỉ số (1.0%)		
Chỉ số (2.0%)		
MICP	GES	Tỷ lệ
Mua	Điểm 21.21.5	-4.4%
Cấp độ	23.84	-7% -12%
Chỉ số (1.0%)	25.38	-12% -14%
Chỉ số (2.0%)		

Ngoài những cp theo nhóm ngành đặc thù đã khuyến nghị, ACE tham khảo thêm CP khác theo khuyến nghị.

2

CHỐT LÃI HÀNG NGÀY

Mã chứng khoán	MWG
Tổng khối lượng CK	180,000
Giá vốn trung bình	43.34
Giá chốt lời	99,200 đ
Giá trị thị trường	8,280,000,000 đ
Lãi/Lỗ (số tiền)	+679,500,200 đ (6.15%)

Một số mã cổ phiếu đáng chú ý:

- DMP: Lợi nhuận sau thuế đạt 257 tỷ đồng, tăng nhẹ so với cùng kỳ.
- ANV: Doanh thu đạt 4.439 tỷ đồng và lợi nhuận sau thuế chỉ còn 42 tỷ đồng, giảm lần lượt 9% và 94% so với năm 2022.
- MCM: Doanh thu gần như đi ngang nhưng lợi nhuận sau thuế tăng 8% so với năm 2022.
- MSB: Lợi nhuận trước thuế năm 2023 đạt 5.830 tỷ đồng, tăng nhẹ so với năm 2022.

Chúc mừng ACE đã mua HPG dưới 27.2 như khuyến nghị ngày 10/1, PVD giá 27.x theo khuyến nghị 22/1.

3

THAM GIA NHÓM ZALO



Quét mã hoặc truy cập
ginlabs.vn/room